

Số: / BC-UBND

Hoàng Phú, ngày tháng năm 2024

## **BÁO CÁO**

### **Đề nghị thẩm định nguồn vốn công trình Nâng cấp, tu sửa Sân vận động xã Hoàng Phú, huyện Hoàng Hóa, tỉnh Thanh Hóa**

*Kính gửi:* - Ủy ban nhân dân huyện Hoàng Hóa.  
- Phòng tài chính kế hoạch huyện Hoàng Hóa.

Căn cứ luật đầu tư công số 49/2014/QH13 ngày 18/6/2014;

Căn cứ nghị định số 120/2018/NĐ-CP ngày 13/09/2018 của chính phủ ban Về sửa đổi, bổ sung 1 số điều Nghị định 136/2015/NĐ-CP ngày 31/12/2015 ban hành nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn đầu tư phát triển nguồn NSNN giai đoạn 2016 - 2020;

Căn cứ văn bản số 1101/BKHĐT-TH ngày 02/3/2015 của Bộ kế hoạch và đầu tư về hướng dẫn một số nội dung về lập, thẩm định, phê duyệt chủ trương đầu tư công theo luật đầu tư công;

UBND Xã Hoàng Phú đề nghị phòng TC-KH huyện Hoàng Hóa xem xét thẩm định nguồn vốn và khả năng cân đối vốn dự án công trình Nâng cấp, tu sửa Sân vận động xã Hoàng Phú, huyện Hoàng Hóa, tỉnh Thanh Hóa với những nội dung sau:

1. Tên dự án: Nâng cấp, tu sửa Sân vận động xã Hoàng Phú, huyện Hoàng Hóa, tỉnh Thanh Hóa,

2. Chủ đầu tư: UBND xã Hoàng Phú.

3. Địa điểm đầu tư: Xã Hoàng Phú.

4. Mục tiêu đầu tư: Xây dựng cơ sở vật chất đáp ứng yêu cầu sinh hoạt văn hóa thể thao của nhân dân trong xã ngày một nâng cao, và đáp ứng tiêu chí xã Nông thôn mới.

5. Quy mô đầu tư:

- Sửa chữa nâng cấp sân bê tông đường chạy.
- Nâng cấp nền sân thể thao.
- Sửa chữa, nâng cấp sân khấu ngoài trời.
- Vệ sinh sơn lại hệ thống tường rào.
- Sửa chữa hệ thống bồn cây quanh sân.

Tổng kinh phí đầu tư xây dựng là: **1.200.000.000** đồng

*(Bằng chữ: Một tỷ hai trăm triệu đồng chẵn./)*

Trong đó:

- Chi phí xây dựng 973.554.898 đồng

- Chi phí QLDA:	28.242.827	đồng
- Chi phí tư vấn:	110.298.376	đồng
- Chi phí khác:	30.327.552	đồng
- Chi phí dự phòng	57.121.183	đồng

*(Có chi tiết kèm theo)*

6. Nguồn vốn đề nghị thẩm định: Ngân sách xã từ nguồn khai thác quỹ đất mặt bằng quy hoạch theo MBQH số 90/MBQH-UBND ngày 20/8/2020 (KQ06) Khu dân cư thôn Trịnh Thôn, xã Hoằng Phú

+ Điều tiết tỷ lệ theo quy định, ngân sách xã Hoằng Phú được hưởng khoảng 12,7 tỷ đồng

+ Trả nợ các công trình XDCCB và dự kiến đầu tư vào công trình Nâng cấp, tu sửa Sân vận động xã Hoằng Phú, huyện Hoằng Hóa, tỉnh Thanh Hóa.

7. Thời gian thực hiện: Năm 2024

UBND Xã Hoằng Phú đề nghị phòng TC-KH huyện Hoằng Hóa xem xét thẩm định nguồn vốn và khả năng cân đối vốn dự án công trình Nâng cấp, tu sửa Sân vận động xã Hoằng Phú, huyện Hoằng Hóa, tỉnh Thanh Hóa

**CHỦ TỊCH**

***Nơi nhận:***

- UBND huyện;
- Phòng TC-KH;
- Lưu: VP

**Nguyễn Văn Hồng**

## BẢNG KHAI TOÁN TỔNG MỨC ĐẦU TƯ XÂY DỰNG

(Căn cứ theo Thông tư 12/2021/TT-BXD ngày 31 tháng 8 năm 2021)

CÔNG TRÌNH: NÂNG CẤP, TU SỬA SÂN VẬN ĐỘNG XÃ HOÀNG PHÚ, HUYỆN HOÀNG HÓA

Đơn vị tính: đồng

STT	NỘI DUNG CHI PHÍ	Tỷ lệ %	Hệ số	CÁCH TÍNH	GIÁ TRỊ TRƯỚC THUẾ	THUẾ GTGT	GIÁ TRỊ SAU THUẾ	KÝ HIỆU
<b>1</b>	<b>Chi phí xây dựng</b>				<b>901.439.720</b>	<b>72.115.178</b>	<b>973.554.898</b>	<b>Gxd</b>
1.1	Chi phí xây dựng công trình chính				901.439.720	72.115.178	973.554.898	
1.1.1	ĐƯỜNG CHẠY, TÔN NỀN SÂN, SỬA CHỮA RÃNH NƯỚC, SÂN KHẤU, TƯỜNG RÀO, BỒN HOA, XÂY MỚI NHÀ VỆ SINH		1	Theo bảng tổng hợp dự toán hạng mục	901.439.720	72.115.178	973.554.898	
<b>2</b>	<b>Chi phí quản lý dự án</b>	<b>2,901%</b>		<b>(Gxd+Gtb) trước thuế x tỷ lệ</b>	<b>26.150.766</b>	<b>2.092.061</b>	<b>28.242.827</b>	<b>Gqlda</b>
<b>3</b>	<b>Chi phí tư vấn đầu tư xây dựng</b>				<b>102.128.127</b>	<b>8.170.249</b>	<b>110.298.376</b>	<b>Gtv</b>
3.1	Chi phí khảo sát địa hình				15.256.000	1.220.480	16.476.480	
3.2	Chi phí lập nhiệm vụ khảo sát xây dựng	3%		Gks trước thuế x tỷ lệ	457.680	36.614	494.294	
3.3	Chi phí lập báo cáo kinh tế - kỹ thuật (Bảng 2.3 Thông tư 12/2021/TT-BXD)	5,8%		(Gxd+Gtb) trước thuế x tỷ lệ	52.283.504	4.182.680	56.466.184	
3.4	Chi phí giám sát thi công xây dựng (Bảng 2.21 Thông tư 12/2021/TT-BXD)	2,566%		Dự toán gói thầu XD trước thuế x tỷ lệ	23.130.943	1.850.475	24.981.418	
3.5	Chi phí lập hồ sơ mời thầu, hồ sơ yêu cầu (Nghị định 24/2024/NĐ-CP)	0,2%		Dự toán gói thầu XD+TB trước thuế x tỷ lệ	3.000.000	240.000	3.240.000	
3.6	Chi phí đánh giá hồ sơ dự thầu, hồ sơ đề xuất (Nghị định 24/2024/NĐ-CP)	0,2%		Dự toán gói thầu XD+TB trước thuế x tỷ lệ	3.000.000	240.000	3.240.000	
3.7	Chi phí thẩm định hồ sơ mời thầu, hồ sơ yêu cầu (Nghị định 24/2024/NĐ-CP)	0,1%		Dự toán gói thầu XD+TB trước thuế x tỷ lệ	2.000.000	160.000	2.160.000	

3.8	Chi phí thẩm định kết quả lựa chọn nhà thầu (Nghị định 24/2024/NĐ-CP)	0,1%		Dự toán gói thầu XD+TB trước thuế x tỷ lệ	3.000.000	240.000	3.240.000	
<b>4</b>	<b>Chi phí khác</b>				<b>28.624.147</b>	<b>1.703.405</b>	<b>30.327.552</b>	<b>Gk</b>
4.1	Chi phí bảo hiểm công trình (Phụ lục III, Nghị định số 67/2023/NĐ-CP)	0,2%		Gxd trước thuế x tỷ lệ	1.802.879	144.230	1.947.109	
4.2	Phí thẩm định dự án đầu tư xây dựng (Thông tư 28/2023/TT-BTC)	0,019%		Tổng mức đầu tư x tỷ lệ	500.000		500.000	
4.3	Chi phí thẩm tra, phê duyệt quyết toán (Nghị định 99/2021/NĐ-CP)	0,57%		Tổng mức đầu tư x tỷ lệ	6.831.579		6.831.579	
4.4	Chi phí kiểm toán độc lập (Nghị định 99/2021/NĐ-CP)	0,96%		Giá trị cân kiểm toán của dự án; Tổng mức đầu tư x tỷ lệ	11.505.817	920.465	12.426.282	
4.5	Chi phí kiểm tra công tác nghiệm thu công trình xây dựng (Thông tư 10/2021/TT-BXD)	20%		Chi phí giám sát thi công xây dựng x tỷ lệ	4.626.189	370.095	4.996.284	
4.6	Chi phí thẩm định Báo cáo kinh tế - kỹ thuật (Thông tư 12/2021/TT-BXD)	80%		Chi phí thẩm tra Báo cáo kinh tế - kỹ thuật x tỷ lệ	3.357.683	268.615	3.626.298	
<b>5</b>	<b>Chi phí dự phòng</b>				<b>57.121.183</b>		<b>57.121.183</b>	<b>Gdp</b>
5.1	Dự phòng cho yếu tố khối lượng phát sinh	5%		(Ggpmb+Gxd+Gtb+Gqlda+Gtv + Gk) sau thuế x tỷ lệ	57.072.505		57.072.505	
	<b>Tổng cộng</b>				<b>1.115.463.943</b>	<b>84.080.893</b>	<b>1.199.544.836</b>	<b>Gxdct</b>
	<b>Làm tròn</b>						<b>1.200.000.000</b>	
<b>Bảng chữ: Một tỷ hai trăm triệu đồng./.</b>								